

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà A.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông D.

Bà L.

- Thư ký phiên tòa: Bà T– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà M- Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 350/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn H**, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Tổ x, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số: 001184x, cấp ngày 18/11/2024. *Có mặt*

- Bị đơn: Anh **Nguyễn B**, sinh năm 1981; Nơi thường trú: Thôn C, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số: 001081x, cấp ngày 07/01/2022. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 14/6/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình chị tại phường T1, thành phố Hà Nội.

Vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách đối lập làm cho cuộc sống hôn nhân không hoà hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi vã xô sát, gia đình hai bên và bạn bè đã khuyên giải nhiều lần nhưng không thành, đến năm 2024 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị ly hôn với anh B để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là: Cháu Nguyễn H, sinh ngày 07/07/2011 và cháu T, sinh ngày 25/01/2016. Ngoài ra vợ chồng anh chị không có con chung, con riêng hay con nuôi nào khác. Hiện nay, cháu H và cháu T đang sống với chị H, các cháu sức khỏe tốt. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung và công sức chung của vợ chồng.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn B: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng Anh B vắng mặt. Tiến hành xác minh tại nơi cư trú xác định anh Nguyễn B có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại: Thôn C, thành phố Hà Nội; anh B đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh B theo quy định của pháp luật nhưng anh B không có ý kiến phản hồi về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Tòa án xét xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn H đối với anh Nguyễn B.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn H, sinh ngày 07/07/2011 và cháu T, sinh ngày 25/01/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B.

- Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị H không yêu cầu Toà giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn H phải nộp tiền án phí không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn B có hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, thành phố Hà Nội. Hiện nay anh B đang sinh sống tại địa chỉ trên, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Về thủ tục xét xử và tranh tụng tại phiên toà: Ngày 07/01/2026, bị đơn là anh B vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa xét xử vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Đây là phiên tòa xét xử lần 2, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn H và anh Nguyễn B tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 14/6/2011, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình chị H tại phường T1, thành phố Hà Nội.

Theo lời khai của chị H, sau khi kết hôn, vợ chồng H phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách đối lập làm cho cuộc sống hôn nhân không hoà hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi vã xô sát, gia đình hai bên và bạn bè đã khuyên giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Anh B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Thể hiện anh không có ý thức vun vén cuộc sống hôn nhân của anh chị.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa chị H và anh B mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh B có 02 con chung là: Cháu Nguyễn H, sinh ngày 07/07/2011 và cháu T, sinh ngày 25/01/2016. Ngoài ra vợ chồng anh chị không có con chung, con riêng hay con nuôi nào khác. Hiện nay, cháu H và cháu T đang sống với chị H, các cháu sức khỏe tốt. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu T và cháu H đều có nguyện vọng ở với chị H.

Anh B không có quan điểm về việc nuôi con.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi anh chị ly hôn.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung vợ chồng. Do đó, Tòa án không giải quyết.

[2.4] *Về án phí ly hôn sơ thẩm, quyền kháng cáo*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn H với anh Nguyễn B. Chị Nguyễn H được ly hôn anh Nguyễn B.

[2] Về con chung: Giao cả hai con chung là Cháu Nguyễn H, sinh ngày 07/07/2011 và cháu T, sinh ngày 25/01/2016 cho chị Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, có khả năng tự lập về kinh tế hoặc có sự thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng sẽ được giải quyết khi có yêu cầu.

Anh Nguyễn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số 00xx ngày 09/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND phường T1, HN; (GCN kết hôn số xx ngày 14/06/2011);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

A